BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 878 /QĐ-ĐHĐL

Lâm Đồng, ngày 22 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
V/v cấp học bổng KF - Samsung tài trợ cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27/10/1976 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-ĐHĐL ngày 27 tháng 05 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Giấy đề nghị về việc cấp học bổng KF - Samsung cho sinh viên ngành Hàn Quốc học ngày 26 tháng 10 năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Chính trị và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng KF - Samsung cho 30 sinh viên Khoa Quốc tế học có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Trị giá học bổng 173,355,280đồng.

(Bằng chữ: Một trăm bảy mươi ba triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi đồng)

Điều 3. Các ông, bà Trưởng phòng chức năng, Trưởng khoa liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Lưu: VT, CT & CTSV.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Lê Minh Chiến

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KF SAMSUNG

(Kèm theo Quyết định số 878/QĐ-ĐHĐL, ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt)

Ngân hàng: Agribank

TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Ngày Sinh	Lớp SV	Thành tích học tập	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
1	1810845	Mai Thị	Hằng	13/03/2000	DPK42HQ	3.84	5,778,510	5400205347749	Agribank	
2	1811119	Phan Thị	Quyên	16/06/2000	DPK42HQ	3.55	5,778,510	3707205134516	Agribank	
3	1811153	Moul	Thanh	28/09/2000	DPK42HQ	3.47	5,778,510	5408205205719	Agribank	
4	1811207	Hoàng Thị Bích	Thúy	18/01/2000	DPK42HQ	3.45	5,778,510	5400205436305	Agribank	
5	1810987	Văn Thị Hiền	Lương	12/01/2000	DPK42HQ	3.38	5,778,510	5400205433791	Agribank	
6	1910759	Hoàng Minh	Cảnh	06/04/2001	DPK43HQA	3.38	5,778,510	6005205160224	Agribank	
7	1913627	Nguyễn Thị	Lan	24/10/2001	DPK43HQA	3.37	5,778,510	5400205490317	Agribank	
8	1913581	Nguyễn Thị	Hồng	01/02/2001	DPK43HQA	3.34	5,778,510	5493220008766	Agribank	
9	1910785	Phạm Thị Thu	Hiền	14/05/2001	DPK43HQA	3.34	5,778,510	4907205167179	Agribank	
10	1913534	Cao Thị Mỹ	Hạnh	30/10/2001	DPK43HQA	3.33	5,778,510	3511205191550	Agribank	
11	1913522	Cao Hồng	Hải	28/05/2001	DPK43HQA	3.31	5,778,509	5400205490483	Agribank	
12	1913906	Dương Thị Linh	Thương	19/07/2001	DPK43HQA	3.29	5,778,509	5400205486667	Agribank	
13	1913925	Võ Thị Mỹ	Tiền	17/11/2001	DPK43HQA	3.25	5,778,509	4306205426991	Agribank	
14	1913541	Nguyễn Thị	Hảo	08/01/2001	DPK43HQB	3.19	5,778,509	3802205244657	Agribank	
15	1910891	Lê Mỹ	Tiên	02/01/2001	DPK43HQB	3.17	5,778,509	4804205199521	Agribank	

TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Ngày Sinh	Lớp SV	Thành tích học tập	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
16	1910904	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	20/06/2001	DPK43HQB	3.16	5,778,509	4602220009889	Agribank	
17	1910835	Huỳnh Thị Hương	Nhi	29/10/2001	DPK43HQB	3.15	5,778,509	4907205167191	Agribank	
18	1913758	Nguyễn Hồng	Nhi	28/07/2001	DPK43HQC	3.12	5,778,509	4304205211041	Agribank	
19	1910808	Nguyễn Tùng	Lâm	20/12/2000	DPK43HQC	3.12	5,778,509	5400205480450	Agribank	
20	1913877	Nguyễn Thị Phương	Thảo	14/09/2001	DPK43HQC	3.07	5,778,509	5400205489750	Agribank	
21	1913900	Phạm Anh	Thư	20/11/2001	DPK43HQC	3.04	5,778,509	5909205176560	Agribank	
22	1913966	Phạm Văn	Trường	24/10/2001	DPK43HQC	3.03	5,778,509	5400205585805	Agribank	
23	2010412	Đỗ Thị Thu	Luyến	12/07/2002	DPK44HQA	2.98	5,778,509	4302205297571	Agribank	

Tổng cộng: 132,905,717

(Bằng chữ: Một trăm ba mươi hai triệu chín trăm linh năm nghìn bảy trăm mười bảy đồng)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KF SAMSUNG

(Kèm theo Quyết định số 878/QĐ-ĐHĐL, ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt)

Ngân hàng: Vietcombank

TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Ngày Sinh	Lớp SV	Thành tích học tập	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên ngân hàng mở tài khoản	Ghi chú
1	1811024	Trần Thị Thanh	Nga	04/08/2000	DPK42HQ	3.52	5,778,509	641000032423	Vietcombank	
2	1811155	Nguyễn Thị Phương	Thanh	01/12/1999	DPK42HQ	3.44	5,778,509	561000603367	Vietcombank	
3	1811187	Nguyễn Thị Minh	Thoa	23/02/2000	DPK42HQ	3.38	5,778,509	1017210195	Vietcombank	
4	1913657	Phạm Thị Mỹ	Linh	24/08/2000	DPK43HQA	3.38	5,778,509	561000625881	Vietcombank	
5	1910783	Hoàng Thu	Hiền	30/01/2001	DPK43HQA	3.36	5,778,509	561000623702	Vietcombank	
6	1913511	Lê Thị Hà	Giang	10/08/2001	DPK43HQB	3.14	5,778,509	201000709961	Vietcombank	
7	1913785	Võ Hằng	Ninh	05/08/2001	DPK43HQC	3.13	5,778,509	641000038031	Vietcombank	

Tổng cộng: 40,449,563

(Bằng chữ: Bốn mươi triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng)